

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 196/2025/DS-ST

Ngày: 08/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nghiêm Thị Xuân Huê
- Ông Nguyễn Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở chính Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2996/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐXXST-DS ngày 16/7/2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2025/QĐST-DS ngày 13/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: B N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Minh Q, địa chỉ liên lạc: Lầu T, Tòa nhà A, B C, Phường M, Quận B (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2025). (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Vũ Quý D, sinh năm 1983,

Địa chỉ: M đường M, phường Đ, Quận M (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện Ngân Hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng cấp tín dụng cho ông Lê Vũ Quý D căn cứ theo:

a) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 24/09/2019;

- b) Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng;
- c) Các văn bản khác của ông Lê Vũ Quý D ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

- Ngày cấp: 01/10/2019
- Loại thẻ: Visa Signature
- Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng
- Hiệu lực thẻ: Tháng 10/2022
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Vũ Quý D vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận của hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

- Ngày 20/08/2020, Ngân hàng chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán.
- Ngày 20/08/2020, Ngân hàng ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 11/12/2024, ông Lê Vũ Quý D còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Vốn gốc: 113.152.595 đồng
- Lãi quá hạn: 180.349.072 đồng
- Tổng cộng: 293.501.667 đồng

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc ông Lê Vũ Quý D thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 11/12/2024 là 293.501.667 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi ba triệu năm trăm lẻ một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó vốn gốc 113.152.595 đồng và lãi quá hạn là 180.349.072 đồng;

2. Buộc ông Lê Vũ Quý D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày trả hết nợ

- Bị đơn ông Lê Vũ Quý D đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ngân hàng có người đại diện ông Trương Minh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, đồng thời có văn bản giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Vũ Quý D trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 08/9/2025 là 326.788.164 đồng, trong đó: vốn gốc 113.152.595 đồng, lãi quá hạn 213.635.569 đồng; 2. Ông Lê Vũ Quý D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và

điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính kể từ ngày 08/9/2025 đến ngày trả hết nợ; Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

- Bị đơn ông Lê Vũ Quý D vắng mặt

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về việc buộc bị đơn ông Lê Vũ Quý D trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn ông D là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, là hợp đồng cung ứng dịch vụ và cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, bị đơn có địa chỉ tại Quận M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông D đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, thể hiện bằng 1) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Lê Vũ Quý D ký ngày 24/09/2019, 2) Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, theo đó Lãi suất thỏa thuận là lãi suất cho vay mà Ngân hàng áp dụng đối với khoản vay thông qua phát hành thẻ, bao gồm Lãi suất trong hạn, Lãi suất quá hạn; Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí Lãi suất do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn là mức Lãi suất tối đa bằng 150% Lãi suất trong hạn. Mức lãi mà Ngân hàng áp dụng đối với ông D trong hạn là 27%/năm, quá hạn 40,5%/năm, nên căn cứ hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, các Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn ông D trả số nợ tính đến ngày xét xử 08/9/2025 là 326.788.164 đồng, trong đó: vốn gốc 113.152.595 đồng, lãi quá hạn 213.635.569 đồng;

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại Điều 10: Chuyển nợ quá hạn, tính lãi quá hạn và các biện pháp xử lý vi phạm; Điều 11: Chấm dứt việc sử dụng thẻ, tính đến ngày 20/8/2020, do các khoản thanh toán của ông D đã chuyển sang nợ quá hạn nên Ngân hàng quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông D trước hạn, chuyển toàn bộ số tiền thanh toán sang nợ quá hạn là có cơ sở.

Căn cứ vào Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 18/5/2020 đến ngày Ngân hàng đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn 20/8/2020, thời điểm chuyển sang nợ quá hạn, ông D còn chưa thanh toán số tiền 113.152.595 đồng.

[4] Từ ngày 20/8/2020 đến ngày xét xử 08/9/2025, do số tiền nợ chuyển sang quá hạn với lãi quá hạn lần lượt là 40,5%/năm và 45%/năm (từ ngày 13/7/2025) nên tiền lãi quá hạn là 213.635.569 đồng.

Như vậy, tính đến ngày xét xử 08/9/2025, ông D còn nợ Ngân hàng các khoản vốn gốc 113.152.595 đồng, lãi quá hạn 213.635.569 đồng, tổng cộng 326.788.164 đồng, vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông D trả số tiền tổng cộng 326.788.164 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông D còn phải chịu lãi theo thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; các Điều 7, 8, 12, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A:

- Buộc bị đơn ông Lê Vũ Quý D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A nợ gốc còn thiếu 113.152.595 (Một trăm mười ba triệu, một trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng, lãi quá hạn 213.635.569 (Hai trăm mười ba triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm sáu mươi chín) đồng, tổng cộng 326.788.164 (Ba trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 24/09/2019, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Vũ Quý D phải chịu 16.339.408 (Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm lẻ tám) đồng.

- Nguyên đơn Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A không phải án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.202.782 (Năm triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm tám mươi hai) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037997 ngày 03/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND KV1;
- Phòng THADS KV1;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Tôn Trung Tuấn